

**QUAN ĐIỂM VỀ VỊ TRÍ CON NGƯỜI
TRONG TRIẾT HỌC NHO GIA TIÊN TÀN
VÀ Ý NGHĨA CỦA NÓ ĐỐI VỚI VIỆC PHÁT HUY VAI TRÒ NHÂN TỐ CON NGƯỜI
TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY**

*THE VIEW OF THE HUMAN POSITION IN THE CONFUCIAN PHILOSOPHY
OF PRE-QIN AND ITS MEANING TO PROMOTING THE ROLE
OF HUMAN FACTOR IN THE CURRENT PERIOD*

TRẦN MAI ƯỚC(*), TRỊNH ĐÌNH ANH VIỆT(**)

(*): Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh, *maiuoc2001@yahoo.com*

(**): Trường Cao đẳng Y tế Quảng Trị

THÔNG TIN	TÓM TẮT
<p>Ngày nhận: 25/11/2020 Ngày nhận lại: 04/12/2020 Duyệt đăng: 21/12/2020 Mã số: TCKH-S04T12-B58-2020 ISSN: 2354 – 0788</p> <p>Từ khóa: <i>Nho gia, triết học, con người, vị trí con người.</i></p> <p>Key words: <i>Confucianism, philosophy, human, human position.</i></p>	<p><i>Vị trí con người là một trong những chủ đề lớn, thu hút sự quan tâm của các nhà triết học Trung Hoa cổ đại. Triết học Nho gia Tiên Tần đã có những quan điểm có tính hệ thống về vị trí con người. Bài viết đi vào làm rõ những nội dung, đặc điểm cơ bản quan điểm về vị trí con người trong triết học Nho gia Tiên Tần và ý nghĩa của nó trong việc phát huy vai trò nhân tố con người trong giai đoạn hiện nay.</i></p> <p>ABSTRACT</p> <p><i>The human position was one of the major topics, attracting the interest of ancient Chinese philosophers. Confucian philosophy of Pre-Qin had systematic views on the human position. The paper focuses on clarifying the basic contents and characteristics of the view of human position in the Confucian philosophy of Pre-Qin and its meaning to promoting the role of the human factor in the current period.</i></p>

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Cả thực tiễn và lý luận đã chứng minh rằng, thời Tiên Tần trong lịch sử triết học Trung Quốc gắn liền với thời kỳ Xuân Thu - Chiến Quốc. Đây là thời kỳ mà những mầm mống tư tưởng triết học vốn xuất hiện và tồn tại trong suốt một thời kỳ lịch sử lâu dài trước đó đã hình thành nên các tư tưởng, học thuyết, trường phái triết học tương đối có hệ thống, mở đầu cho cả một thời kỳ phát triển rực rỡ của các nhà tư tưởng, các

trào lưu triết học mà những nội dung của nó còn có ảnh hưởng sâu rộng đến giai đoạn hiện nay.

2. NỘI DUNG

2.1. Những quan điểm cơ bản về vị trí con người trong triết học Nho gia Tiên Tần

Trong tiến trình lịch sử Trung Hoa cổ đại, thời kỳ Xuân thu - Chiến quốc bắt đầu từ thế kỷ VIII tr.CN kéo dài tới tận cuối thế kỷ III tr.CN. Đây là thời kỳ xã hội Trung Hoa cổ đại chuyển biến từ chế độ chiếm hữu nô lệ sang chế độ phong kiến, xã hội có sự biến đổi to lớn về kinh

tế tất yếu dẫn đến biến đổi về các mặt chính trị - xã hội; đây là giai đoạn giao thời chuyển từ chế độ tông tộc sang chế độ gia trưởng. Các giá trị đạo đức xã hội mới chỉ manh nha xuất hiện, chưa định hình trong khi các giá trị đạo đức xã hội cũ đã bị băng hoại làm nảy sinh nhu cầu ổn định trật tự xã hội và giáo hóa con người. Trước xu thế của thời đại, nhiều nhà tư tưởng rất quan tâm nghiên cứu về vị trí con người và đã có nhiều triết thuyết ra đời trong thời kỳ này. Trong đó, phải kể đến quan điểm về vị trí con người của triết học Nho gia Tiên Tần, với Khổng Tử là người mở đường, không chỉ riêng trường phái Nho gia mà còn cho toàn bộ lịch sử triết học Trung Quốc.

Quan điểm về vị trí con người trong đời sống xã hội của Nho gia Tiên Tần gắn liền với quan điểm về nguồn gốc và bản tính con người. Bắt nguồn từ thế giới quan Thiên mệnh. Nho gia Tiên Tần có quan niệm rằng con người có nguồn gốc do Trời sinh ra, Trời là vị thần tối cao sắp đặt vận mệnh con người. Mạnh Tử nói: “Chẳng có việc gì xảy ra mà chẳng do nơi mạng Trời”. Từ chuyện sinh tử cho tới địa vị xã hội của con người đều đã được Trời sắp đặt cả rồi: “Dầu mình có chết yếu hay sống dai, hai việc ấy mình vẫn coi như nhau; mình cứ bèn chí mà tu tập lấy mình, bình tĩnh đối với giờ phút cuối cùng của mình; đó là cách mình lập vững cái Mạng do Trời cho mình vậy” [1, tr.217]; “Dầu mình bước chân trên đường công danh hay mình đứng dừng một chỗ, hai việc ấy đều chẳng do nơi sức của kẻ khác, chính là do Mạng trời” [1, tr.77]. Hiểu biết mệnh trời và có thái độ kính cẩn tuân mệnh trời là điều kiện cần thiết để trở thành con người hoàn toàn; không hiểu biết mệnh trời thì không thể trở thành người quân tử: “Chẳng hiểu Mạng trời, chẳng đáng gọi là quân tử”. Đức của người quân tử là tin ở Thiên mệnh, biết sợ mệnh và thuận mệnh mà hành sự. Nếu là kẻ ngang ngạnh, bất tuân mệnh trời thì thật là vô phương cứu chữa, nên Khổng Tử khẳng định: “Kẻ mắc tội với Trời, dầu cầu đảo với vị thần nào, cũng

chẳng khỏi”. Vậy thì bản phận con người là: “Mình nên tùy thuận mà nhận lấy cái Mạng chính đáng ấy” [1, tr.217].

Tin có “Thiên mệnh” nhưng Nho gia Tiên Tần lại cho rằng con người có năng lực làm chủ bản thân, khuyên con người nên có thái độ “kính nhi viễn chi” với quỷ thần. Khuyên con người đừng sa vào tệ sùng bái quỷ thần bởi tâm trí con người dễ bị nó mê hoặc mà trở nên mê muội, kém sáng suốt, Khổng Tử nói: “Chuyên tâm nghiên cứu những học thuyết hoang đường, sự ấy có hại cho mình vậy” [2, tr.23]. Nho gia Tiên Tần đề cao nỗ lực hoạt động cá nhân, luôn yêu cầu con người phải bèn chí mà tu thân, phải tận tâm tận lực mà làm việc dầu có khó khăn trở ngại, đó là chính là cách con người nhận mệnh Trời. Khổng Tử biết việc binh loạn, cứu đời là việc hết sức gian nan bởi “người nay nếu cuồng vọng thì phóng đảng càn dỡ,.. nếu kiêu căng thì hay giận bậy mà nghịch đời,.. nếu ngu khờ thất học thì hay giả dối lừa đảo” [2, tr.279]; nhưng ông vẫn kiên trì thực hiện sứ mệnh với suy nghĩ “nếu thiên hạ có đạo lý, thì cần gì phải sửa đổi?” [2, tr.289]. Khổng Tử chỉ lo mình không đủ khả năng, không đủ sức lực mà học tập, mà làm việc giúp đời nên ông luôn tự kiểm điểm mình đã tận tâm, tận lực chưa: “Trầm mặc suy nghĩ đạo lý đăng ghi nhớ trong lòng, học đạo mà không biết buồn chán, dạy người mà không biết mệt mỏi; ba cái đức ấy có đủ nơi ta chăng?” [2, tr.99]. Mạnh Tử khuyên vua Văn Công nước Đằng: “Nay nếu vua khởi làm thiện, đời sau con cháu ngài ắt sẽ lên hàng vương giả mà cầm quyền thiên hạ... Nay vua làm sao mà đương lại nước Tề? Vậy vua cố gắng làm thiện, như thế là đủ rồi” [1, tr.272]. Cứ nhận mệnh Trời, tận tâm làm việc còn việc thành hay bại đã có Trời lo liệu. Tư tưởng này hun đúc nên mẫu người Nho gia “chờ mệnh”.

Nhận mệnh hành động là bản phận của người, còn việc thành hay bại là việc của Trời: “Đạo ta nếu được lưu hành, ấy cũng do nơi Mạng Trời. Đạo ta nếu phải vong phế, ấy cũng

do nơi Mạng Trời” [2, tr.233]. Khi đàm luận với Tề Tuyên vương, Mạnh Tử đã dẫn Kinh Thi: “Nếu mình biết kính sợ oai Trời, hơn đó mình có thể bảo tồn địa vị của mình” và giảng giải: “Tự mình là vua nước lớn mạnh mà vừa giúp vua các nước nhỏ yếu, đó là mình vui thuận Mạng Trời. Tự mình là vua nước nhỏ yếu mà thờ phụng vua nước lớn mạnh, đó là mình kính sợ Mạng Trời. Bậc Thiên Tử vui thuận Mạng Trời thì có thể bảo tồn cuộc cai trị thiên hạ một cách bền vững. Bậc quốc trưởng kính sợ Mạng Trời thì đủ sức giữ nước nhà mình một cách kiên trường”. Khi đã tận tâm, tận lực rồi thì dù kết quả như thế nào đi nữa, con người không cần phải áy náy, lo nghĩ nữa. Cho nên: “Khi mình giữ hết đạo làm người mà phải chết vì chức vụ, đó là thuộc về cái mạng chính đáng vậy” [1, tr.217].

Quan điểm về vị trí con người của Nho gia Tiên Tần thể hiện rõ nét ở học thuyết chính danh. Khổng Tử nói: “Chữ chính (cai trị) do nơi chữ chính (ngay thẳng) mà ra: Cai trị (chính) tức là săn sóc cho dân trở nên ngay thẳng, chính đính”. Nay đạo đức băng hoại, Khổng Tử than thở về tình trạng rối loạn, “danh” không “chính” trong xã hội lúc bấy giờ: “Cái bình đựng rượu có khóa, có gốc kêu là “cô”. Ngày nay, người ta xài bình rượu chẳng có khóa, chẳng có gốc, thế mà cũng gọi là “cô” sao!” [2, tr.95]. Con người trong xã hội có địa vị khác nhau tất nhiên có vai trò khác nhau và đều là do mệnh Trời: “Có hạng thiên dân, tức là hạng người đặc biệt được trời ủng hộ và hiểu mạng Trời, hạng ấy liệu rằng nếu mình ra làm quan mà có thể hành đạo khắp trong thiên hạ, sau khi ấy mới chịu lãnh trách nhiệm mà thi hành đạo đức. Lại có bậc đại nhơn, tức là hạng quan chức có chí lớn về đạo quân tử, hạng này chuyên tu tâm sửa mình, tự nhiên thiên hạ đều theo gương mình mà ăn ở ngay thẳng” [1, tr.229]. Có ý thức về vị trí, vai trò con người trong xã hội, Nho gia Tiên Tần nhìn thấy mối nguy hại về việc con người bị đặt sai vị trí dẫn đến không thực hiện đúng vai trò. Nho gia Tiên

Tần đã nhìn thấy và quan tâm đến vai trò và sức mạnh của dân chúng dù thời kỳ này, họ chỉ có thân phận, địa vị thấp hèn trong xã hội và chủ trương “nhập thế”, xây dựng mẫu người “kê sĩ”, “người quân tử”, “đáng trọng phu” là mẫu người có tình, có nghĩa, có trí, biết suy xét và sẵn sàng hành động vì dân vì nước: “Kê sĩ như thấy sự nguy nan xảy đến cho người, thì liều thân mạng mà giải cứu; như thấy món lợi, thì nhớ đến việc nghĩa: Xét coi món lợi ấy mình nên thu nhận hay chẳng. Trong khi cúng tế tổ tiên, người giữ lòng thành kính; trong con tang chế, xét nghĩ đến sự đau thương”; “Bậc quân tử làm việc cho đời, không có việc gì mà người cố ý làm, không có việc gì người cố ý bỏ, hễ hợp nghĩa thì làm” [2, tr.55]. Thời Khổng Tử với cảnh đời loạn lạc đã xuất hiện tư tưởng lánh đời ẩn dật nên ông cũng quan tâm nghiên cứu, xác định rõ nguyên nhân thúc đẩy con người chọn lối sống lìa xa thế tục. Luận ngữ viết: “Người hiền đức đi ẩn dật có bốn hạng: 1. Cao hơn hết là hạng ty thế, tức là hạng xa lánh thiên hạ, vì thời đời bại hoại; 2. Kế là hạng ty địa, tức là hạng xa lánh đất nước mình phải con loạn lạc; 3. Thứ ba là hạng ty sắc, tức là hạng xa lánh những kẻ thiếu lễ mao; 4. Sau rốt là hạng ty ngôn, tức là hạng xa lánh những kẻ mà lời nói chẳng hợp ý kiến mình” và ông kết luận: “Hiện nay ở nước Lỗ đã có bảy người bỏ đi ẩn dật rồi” [2, tr.233]. Không tán thành quan điểm “ty thế” chọn lối sống lánh đời, cũng không đồng tình quan điểm “quý sinh” của Dương Tử: Với Nho gia Tiên Tần, người bỏ phế vị trí, không làm tròn vai trò, chức trách nhiệm vụ của mình trong gia đình, trong xã hội sao đáng là người tiết nghĩa! Mạnh Tử nói: “Người ta ở đời mà chẳng có tình thân thích, nghĩa vua tôi, bề trên dưới thì mang tội lớn nhất vậy” [1, tr.243]. Một mặt Nho gia Tiên Tần động viên, khuyến khích con người chủ động học tập, rèn luyện và cống hiến cho con người, cho xã hội; mặt khác, Nho gia Tiên Tần lại nhắc nhở con người chỉ nên làm đúng vai trò, đúng chức trách trong phạm vi

nhiệm vụ được giao theo vị trí, đẳng cấp xã hội mà thôi bởi “danh” nào thì “phận” đó.

2.2. Những đặc điểm cơ bản trong quan điểm về vị trí con người của triết học Nho gia Tiên Tần

Trước hết, tính thống nhất giữa chính trị và đạo đức. Không phải ngẫu nhiên mà quan điểm về con người của triết học Nho gia Tiên Tần luôn thể hiện sự gắn kết giữa vấn đề luân thường, đạo lý với vấn đề chính trị - xã hội. Đặc điểm này bắt nguồn từ thực tiễn xã hội Trung Hoa thời Xuân thu - Chiến quốc có biến động lớn: đó là thời kỳ quá độ từ chế độ chiếm hữu nô lệ sang chế độ phong kiến sơ kỳ. Yêu cầu lịch sử đặt ra buộc các nhà tư tưởng phải lý giải để tìm ra nguyên nhân gây nên thực trạng xã hội hỗn loạn và tìm ra giải pháp đưa xã hội từ loạn thành trị. Chính vì vậy, cũng như các trường phái triết học khác ở thời kỳ này, Nho gia Tiên Tần ra sức nghiên cứu con người ở mọi khía cạnh, đặc biệt là vấn đề luân lý, đạo đức nhằm tìm hiểu nguyên nhân dẫn dắt, chi phối hành vi ứng xử của con người, động cơ thúc đẩy con người hành động, để từ đó, có thể đề ra phương pháp, cách thức, giáo hóa con người sao cho có hiệu quả nhằm hướng đến mục đích cuối cùng là ổn định xã hội. Sự thống nhất giữa chính trị và đạo đức được thể hiện rõ nét và nhất quán trong tư tưởng về con người của triết học Nho gia Tiên Tần ở chỗ quan điểm của họ về triết lý chính trị, về đường lối, cách thức cai trị xã hội, xây dựng đất nước của nhà cầm quyền hòa quyện chặt chẽ với triết lý nhân sinh, cách đối nhân xử thế và việc giáo hóa, tu dưỡng đạo đức của con người. Có thể nói, trong quan điểm về vị trí con người của mình, Nho gia Tiên Tần khẳng định trong đời sống xã hội, chính trị và đạo đức không thể tách rời nhau, giữa chính trị và đạo đức có sự thống nhất với nhau. Sự thống nhất đó thể hiện ở quan điểm về việc “tu thân” của con người gắn chặt với việc “tề gia, trị quốc, bình thiên hạ” và ở chủ trương giáo hóa con người nhằm phục vụ công cuộc bình ổn xã hội, xây dựng đất nước thái bình thịnh trị.

Thứ hai, tính nhân văn. Cốt lõi trong quan điểm về vị trí con người của Nho gia Tiên Tần bắt nguồn từ “nhân 仁”. Dựa trên tư tưởng về “nhân 仁” Nho gia Tiên Tần xây dựng mẫu người quân tử để thực hiện lý tưởng bình ổn trật tự xã hội, làm cho thiên hạ thái bình. Từ tôn chỉ đến hành động để thực hiện lý tưởng này của Nho gia Tiên Tần đều thấm đẫm tính nhân văn. Tính nhân văn trong tư tưởng về con người của Nho gia Tiên Tần còn thể hiện ở những tư tưởng phát hiện nhân bản, công nhận giá trị đích thực của con người và khả năng tự hoàn thiện của con người qua quá trình “tu thân”. Có thể khẳng định tính nhân văn trong triết học Nho gia Tiên Tần thể hiện ở quan điểm luôn lấy con người làm trung tâm, luôn đề cao vai trò, giá trị con người và luôn tin tưởng vào khả năng phát triển của con người. Nho gia Tiên Tần, từ Khổng Tử đến Mạnh Tử đều đặt con người ở vị trí trung tâm học thuyết của mình. Từ chỗ công phu nghiên cứu về bản tính người, Khổng Tử và Mạnh Tử đưa ra cách kiến giải về con người rất mới mẻ so với thời kỳ này; đều công nhận giá trị chính bản thân con người với những nhu cầu vật chất và tinh thần; chấp nhận từng cá nhân con người hiện diện trong đời sống xã hội bằng chính bản thân họ với những giới hạn chủ quan và khách quan, mặt mạnh và mặt yếu của con người. Nho gia Tiên Tần đã xác định trách nhiệm trước hết là của nhà cầm quyền và yêu cầu: “Nhà cầm quyền không nên làm chậm trễ công ăn việc làm của dân” [1, tr.153]. Yếu tố vật chất cần nhưng chưa đủ, Nho gia Tiên Tần rất quan tâm đến lĩnh vực tinh thần. Họ yêu cầu nhà cầm quyền chăm lo cho dân chúng “phú” rồi thì phải “giáo”. Với học thuyết chính danh, con người trong xã hội ở “danh” nào thì bị buộc chặt với “phận” đó. Dù là sản phẩm của thời đại, phục vụ cho giai cấp cầm quyền với tư tưởng chủ đạo là tôn quân quyền nhưng học thuyết chính danh của Nho gia Tiên Tần vẫn mang đậm tính nhân văn. Xét về tính mục đích, học thuyết chính danh hình thành

để giữ gìn tôn ti trật tự, đẳng cấp trong xã hội. Xây dựng cơ cấu xã hội có trên có dưới, mỗi người có chức có phận và yêu cầu con người phải biết tiết tình mà thủ lễ, thực hiện đúng chức trách nhiệm vụ của mình, không lo việc không phải của mình để không đâm lên chân nhau mà làm rối loạn hoạt động xã hội. Tất cả nhằm hướng đến mục đích cuối cùng là an định xã hội, biến xã hội từ loạn thành trị, để chấm dứt cảnh tranh giành chém giết nhau, làm cho thiên hạ thái bình. Đó là mục đích thâm trầm tính nhân văn sâu sắc.

2.3. Liên hệ đối với việc phát huy vai trò nhân tố con người trong giai đoạn hiện nay

Từ những nội dung và đặc điểm về vị trí con người trong triết học Nho gia Tiên Tần, nếu chúng ta bỏ qua những hạn chế mang tính lịch sử và giai cấp thì những quan điểm, đặc điểm cơ bản về vị trí con người trong triết học Nho gia Tiên Tần vẫn có nhiều giá trị, ý nghĩa và bài học trong xã hội đương đại hiện nay. Điều này thể hiện qua các điểm:

Thứ nhất, vị trí về xây dựng, phát triển con người ngày càng được nhận thức đầy đủ, toàn diện và sâu sắc hơn. Trong bối cảnh hiện nay, điều này, xét về bản chất là phù hợp với xu thế phát triển và mang tính tất yếu khách quan. Giải phóng con người và chăm lo xây dựng, phát triển toàn diện con người Việt Nam là mục tiêu xuyên suốt, nhất quán của Đảng. Mục tiêu này được thể hiện xuyên suốt trong các kỳ đại hội, cũng như trong mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII (năm 1991), trong “Chương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội”, Đảng ta khẳng định: “phát huy nhân tố con người trên cơ sở bảo đảm công bằng, bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ công dân; kết hợp tốt tăng trưởng kinh tế với tiến bộ xã hội; giữa đời sống vật chất và đời sống tinh thần; giữa đáp ứng các nhu cầu trước mắt với chăm lo lợi ích lâu dài; giữa cá nhân với tập thể và cộng đồng xã hội” [3, tr.87]. Đại hội VIII (năm 1996), Đảng ta

khẳng định sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta là một quá trình phát triển mang tính cách mạng sâu sắc trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, nó không phải do bất kỳ lực lượng siêu nhiên nào mang lại mà là sự nghiệp của quảng đại quần chúng với tư cách là nguồn lực quyết định. Nguồn lực cơ bản, to lớn, quyết định này phải có hàm lượng trí tuệ, phẩm chất ngày một cao mới có thể đáp ứng được sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa to lớn này: “Nâng cao dân trí, bồi dưỡng và phát huy nguồn lực to lớn của con người Việt Nam là nhân tố quyết định thắng lợi của công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa” [4, tr.13]. Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII (12-1996) về định hướng chiến lược phát triển giáo dục, đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nhiệm vụ đến năm 2000 đã khẳng định: “Lấy việc phát huy nguồn lực con người là yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững” [5, tr.85]. Đại hội X, Đảng ta đã xác định cần phải tập trung đổi mới toàn diện giáo dục và đào tạo, chấn hưng giáo dục Việt Nam để phát triển nguồn nhân lực có chất lượng cao. Trong Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 20 năm đổi mới (1986 - 2006), Đảng ta tiếp tục khẳng định: “Con người là vốn quý nhất, phát triển con người với tư cách vừa là động lực, vừa là mục tiêu của cách mạng, của sự nghiệp đổi mới đất nước; gắn vấn đề nhân tố con người với tinh thần nhân văn nhằm tạo điều kiện cho con người phát triển toàn diện, sống trong một xã hội công bằng và nhân ái với những quan hệ xã hội lành mạnh. Con người và sự phát triển con người được đặt vào vị trí trung tâm của chiến lược kinh tế - xã hội, mở rộng cơ hội, nâng cao điều kiện cho con người phát triển” [6, tr.78-79]. Đảng ta khẳng định: “Thực hiện nhiệm vụ xây dựng con người đáp ứng yêu cầu của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế có bước chuyển biến quan trọng: gắn nhiệm vụ xây dựng văn hóa, con người với nhiệm vụ xây dựng và phát triển đất nước; gắn xây dựng môi trường văn hóa với xây

dựng con người; bước đầu hình thành những giá trị mới về con người với các phẩm chất về trách nhiệm xã hội, ý thức công dân, dân chủ, chủ động, sáng tạo, khát vọng vươn lên” [7, tr.123]. Trong dự thảo Văn kiện Đại hội XIII của Đảng, vấn đề con người sẽ là một trong những nội dung quan trọng không thể thiếu trong Văn kiện. Có thể nói rằng, những điểm thay đổi ở trên, không chỉ là sự bổ sung về mặt lý luận, mà còn được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, giải pháp, định hướng cụ thể trong chỉ đạo hoạt động thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội đất nước thời gian qua và trong tương lai.

Thứ hai, nhìn nhận những vấn đề đặt ra đối với phát triển con người trong giai đoạn hiện nay đối với thực tiễn Việt Nam. Giai đoạn vừa qua, chúng ta đã nhìn thấy vai trò động lực của con người trong sự phát triển kinh tế - xã hội, đã có nhiều chính sách cụ thể nhằm khai thác một cách có hiệu quả hơn nguồn lực này. Đảng và Nhà nước ta cũng đã nhiều lần nhấn mạnh vai trò quan trọng của nguồn lực con người. Tuy nhiên, trước bối cảnh mới của thực tiễn Việt Nam hiện nay, việc phát triển con người đang đặt ra những vấn đề cơ bản sau: 1) vẫn còn sự yếu kém cả trong việc khai thác và sử dụng lẫn trong việc phát triển con người. Biểu hiện cụ thể: Giáo dục, đào tạo và cả xã hội chưa làm tốt được việc phát triển con người một cách bền vững về trí tuệ và

việc nâng cao thể chất cho thế hệ trẻ với tính cách là hai mặt quan trọng nhất trong sự phát triển con người một cách bền vững; 2) việc tạo ra việc làm cho người lao động, nâng cao mức sống, đảm bảo an ninh an toàn công dân trong một môi trường ổn định, lành mạnh với các chuẩn mực về kỷ luật, trật tự, kỷ cương, luật pháp còn nhiều bất cập. Theo C.Mác, đây là tiền đề cho sự tồn tại hiện thực của con người; 3) nền tảng là đời sống gia đình, giáo dục văn hoá gia đình chưa được quan tâm và chú trọng đúng mực. Đây là một trong những trở ngại lớn cho quá trình hình thành nhân cách con người và phát triển xã hội.

3. KẾT LUẬN

Bàn về vấn đề vị trí con người là một trong những chủ đề lớn, thu hút sự quan tâm của các nhà triết học Trung Hoa cổ đại. Với những quan niệm của mình về vị trí con người và những đặc điểm của nó, triết học Nho gia Tiên Tần đã góp phần phản ánh tính muôn vẻ, đa dạng, phong phú của triết học Trung Quốc cổ đại trong việc tìm hiểu, luận giải vị trí của con người. Nếu bỏ qua những hạn chế xuất phát từ tính giai cấp, đặc điểm thời đại thì quan điểm về vị trí con người của triết học Nho gia Tiên Tần vẫn có ý nghĩa và giá trị thực tiễn trong việc phát huy vị trí con người trong xã hội đương đại hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Mạnh Tử, tập hạ (Đoàn Trung, 2015), Nxb. Thuận Hóa.
- [2] Luận ngữ (Đoàn Trung, 2015), Nxb. Thuận Hóa.
- [3] Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [4] Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [5] Đảng Cộng sản Việt Nam (1997), *Văn kiện Hội nghị lần thứ 2 Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [6] Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 20 năm đổi mới 1986 - 2006*, Hà Nội.
- [7] Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.